

Số: 03 /CV-TASA DH - 2015

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2015

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD  
Quý IV/2014 )

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614.018. FAX: 0313.614.016

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý IV/2014	Quý IV/2013	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,570,027,572	6,500,169,494	(930,141,922)	-14.31%
Giá vốn hàng bán	4,840,082,979	5,401,584,893	(561,501,914)	-10.40%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	729,944,593	1,098,584,601	(368,640,008)	-33.56%
Chi phí tài chính	1,421,788,029	306,347,093	1,115,440,936	364.11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	757,881,930	660,467,924	97,414,006	14.75%
Lợi nhuận khác	1,412,779,744	3,000,000	1,409,779,744	46.992%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,754,263,806	6,223,967,635	530,296,171	8.52%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,567,318,068	5,963,324,905	603,993,163	10.13%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý IV/2014 tăng 10,13% so với quý IV/2013 do các nguyên nhân :  
+ Khoản mục lợi nhuận khác tăng 46.992% do Công ty bán một số phương tiện vận tải ra ngoài.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu



CHỦ TỊCH HĐQT

*Bùi Chí Hùng*

**CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**  
**Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ IV NĂM 2014**

**Tháng 01 năm 2015**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ IV NĂM 2014**

## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014</i>	1-2
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2014</i>	3
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV năm 2014</i>	4
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV năm 2014</i>	5-23

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41,673,784,329</b>	<b>44,754,921,661</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>8,108,447,776</b>	<b>8,537,301,384</b>
1. Tiền	111		3,108,447,776	8,537,301,384
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>13,000,000,000</b>	<b>16,059,500,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13,000,000,000	16,059,500,000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>14,181,607,381</b>	<b>6,611,223,497</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	4,536,688,855	2,639,055,071
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	100,221,500	100,000,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.5	9,544,697,026	3,872,168,426
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,417,095,424</b>	<b>4,836,144,606</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6a	3,054,475,424	5,473,524,606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6b	(637,380,000)	(637,380,000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,966,633,748</b>	<b>8,710,752,174</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.7	311,112,676	309,668,935
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	154	V.8		18,100,727
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,655,521,072	8,382,982,512
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173,224,096,510</b>	<b>162,844,977,388</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4,736,413,468</b>	<b>8,144,636,264</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4,736,413,468	8,144,636,264
- Nguyên giá	222		10,077,572,471	13,963,286,755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,341,159,003)	(5,818,650,491)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>168,210,685,378</b>	<b>154,195,120,074</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	143,035,120,074	128,595,120,074
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	26,570,000,000	25,600,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1,394,434,696)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>276,997,664</b>	<b>505,221,050</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	276,997,664	505,221,050
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>214,897,880,839</b>	<b>207,599,899,049</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

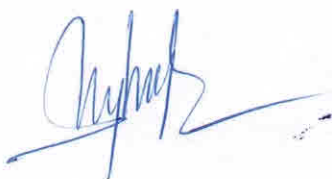
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5,639,869,899</b>	<b>21,349,330,143</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5,196,669,899</b>	<b>20,999,330,143</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	1,819,000,000	16,951,737,376
2. Phải trả người bán	312	V.14	1,474,764,194	1,554,790,974
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	23,452,595	679,386,353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	527,030,081	263,720,730
5. Phải trả công nhân viên	315		123,546,585	83,557,520
6. Chi phí phải trả	316		52,465,650	20,333,333
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	1,119,369,646	1,403,081,790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57,041,148	42,722,067
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>443,200,000</b>	<b>350,000,000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	323	V.18		
2. Phải trả dài hạn khác	324	V.19	443,200,000	350,000,000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>209,258,010,940</b>	<b>186,250,568,906</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>209,258,010,940</b>	<b>186,250,568,906</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	140,300,000,000	128,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,874,859,500	9,615,359,500
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(2,524,789,900)	(2,524,789,900)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		337,506,100	225,534,038
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		59,270,435,240	50,234,465,268
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>214,897,880,839</b>	<b>207,599,899,049</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ IV NĂM 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	5,570,027,572	6,500,169,494	26,276,819,906	23,790,107,097
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
+ Hàng bán bị trả lại					-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5,570,027,572	6,500,169,494	26,276,819,906	23,790,107,097
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22	4,840,082,979	5,401,584,893	22,765,897,035	20,217,221,126
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		729,944,593	1,098,584,601	3,510,922,871	3,572,885,971
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	6,791,209,428	6,089,198,051	26,635,254,022	27,934,816,357
7 Chi phí tài chính	22	VI.24	1,421,788,029	306,347,093	2,283,153,283	906,195,194
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27,353,333	306,347,093	888,718,587	906,195,194
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		757,881,930	660,467,924	2,819,797,049	2,587,159,182
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,341,484,062	6,220,967,635	25,043,226,561	28,014,347,952
11 Thu nhập khác	31		3,001,000,000	3,000,000	3,461,000,000	3,000,000
12 Chi phí khác	32		1,588,220,256		1,996,426,632	-
13 Lợi nhuận khác	40		1,412,779,744	3,000,000	1,464,573,368	3,000,000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,754,263,806	6,223,967,635	26,507,799,929	28,017,347,952
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	186,945,738	260,642,730	791,635,051	746,480,412
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,567,318,068	5,963,324,905	25,716,164,878	27,270,867,540

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
cho kỳ kế toán từ ngày 01-01-2014 đến ngày 31-12-2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28,767,333,091	25,844,016,712
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(21,386,846,598)	(24,351,624,596)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,308,753,402)	(1,036,366,501)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(993,385,253)	(401,819,570)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(865,332,043)	(612,856,463)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	52,884,549,987	72,862,349,985
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(55,129,764,348)	(66,860,781,294)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1,967,801,434</b>	<b>5,442,918,273</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(24,145,454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	760,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38,410,000,000)	(64,465,790,178)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40,499,500,000	48,918,046,883
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14,440,000,000)	(6,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23,094,345,298	34,741,739,481
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>11,503,845,298</b>	<b>12,669,850,732</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13,920,000,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	(1,509,013,500)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10,808,133,683	21,650,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25,739,871,059)	(19,275,443,405)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,888,762,964)	(15,355,179,872)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13,900,500,340)</b>	<b>(14,489,636,777)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(428,853,608)</b>	<b>3,623,132,228</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8,537,301,384</b>	<b>4,914,169,156</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8,108,447,776</b>	<b>8,537,301,384</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014**

### **I. Thông tin doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10, ngày 19 tháng 09 năm 2014. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng  
Vốn điều lệ của Công ty : 140.300.000.000 đồng  
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

**2. Lĩnh vực kinh doanh :** Thương mại, dịch vụ

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá ; Cho thuê container ;
- Cho thuê xe có động cơ.

**Công ty có các Công ty con sau :**

#### **• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:  
Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.  
Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.  
Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

### • Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 29 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

### • Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

### • Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

### • Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

### • Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 08 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 99,90% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014**

### **• Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2014.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

## **III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận

##### Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

#### 10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014

### 10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### 10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

#### Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## 12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014**

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

PH  
DU  
VT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1	31/12/2014	31/12/2013
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
	<b>ĐVT: đồng</b>	
	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Tiền mặt	95,676,299	715,221,852
Tiền gửi ngân hàng	3,012,771,477	7,822,079,532
Các khoản tương đương tiền		
Gửi tiết kiệm NH TMCP ĐT và PT VN - CN Đông HP(1)	5,000,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>8,108,447,776</b>	<b>8,537,301,384</b>
<p>(1). Gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo HĐ số 510/HĐTĐ ngày 09 tháng 12 năm 2014</p>		
<b>2</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (1)	11,000,000,000	7,559,500,000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (2)	2,000,000,000	7,000,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành (3)		1,500,000,000
<b>Cộng</b>	<b>13,000,000,000</b>	<b>16,059,500,000</b>
<p>(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.</p> <p>(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư TSCĐ.</p>		
<b>3</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
<b>3.1 Phải thu các bên liên quan</b>	<b>182,819,199</b>	<b>663,926,992</b>
( Xem phần thuyết minh BCTC mục VI.29)		
<b>3.2 Phải thu thương mại</b>	<b>4,353,869,656</b>	<b>1,975,128,079</b>
<b>Cộng</b>	<b>4,536,688,855</b>	<b>2,639,055,071</b>
<b>4</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội	100,000,000	100,000,000
Công ty Liên doanh đại lý vận tải EVERGREEN VN	221,500	-
<b>Cộng</b>	<b>100,221,500</b>	<b>100,000,000</b>
<b>5</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
<b>5.1 Phải thu khác của các bên liên quan</b>	<b>773,951,000</b>	<b>216,093,087</b>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	138,262,222	59,755,556
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	434,694,111	34,933,333



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	182,688,000	
	Công ty TNHH Container Minh Thành	0	121,404,198
	Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	18,306,667	
<b>5.2</b>	<b>Phải thu lợi nhuận của các Công ty con</b>	<b>7,629,772,001</b>	<b>3,562,789,198</b>
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1,318,536,191	68,804,816
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1,951,856,188	2,135,163,327
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	3,648,858,333	309,545,441
	Công ty TNHH Container Minh Thành	268,556,073	664,009,899
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	441,965,216	385,265,715
<b>5.3</b>	<b>Phải thu đối tượng khác</b>	<b>1,140,974,025</b>	<b>93,286,141</b>
	Phải thu khác	1,140,974,025	93,286,141
	<b>Cộng</b>	<b>9,544,697,026</b>	<b>3,872,168,426</b>
<b>6a</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	Hàng hoá	3,054,475,424	5,473,524,606
	<b>Cộng</b>	<b>3,054,475,424</b>	<b>5,473,524,606</b>
<b>6b</b>	<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(637,380,000)	(637,380,000)
	<b>Cộng</b>	<b>(637,380,000)</b>	<b>(637,380,000)</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	Chi phí văn phòng, các khoản chi phí khác	311,112,676	309,668,935
	<b>Cộng</b>	<b>311,112,676</b>	<b>309,668,935</b>
<b>8</b>	<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	Thuế GTGT được khấu trừ		18,100,727
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>18,100,727</b>
<b>9</b>	<b>Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình &lt;Phụ lục 01&gt;</b>		
<b>10</b>	<b>Các khoản đầu tư vào Công ty con</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14,503,099,339	14,503,099,339
	- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	32,867,444,563	32,867,444,563
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45,655,576,172	45,655,576,172
	- Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	2,520,000,000	2,520,000,000
	- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6,500,000,000	6,500,000,000
	- Công ty TNHH Container Minh Thành	39,990,000,000	25,550,000,000
	- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999,000,000	999,000,000
	<b>Cộng</b>	<b>143,035,120,074</b>	<b>128,595,120,074</b>
<b>11</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải(1)	11,660,000,000	
	Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội (2)	400,000,000	10,600,000,000
	Công ty TNHH Container Minh Thành (3)	14,510,000,000	15,000,000,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

	<b>Cộng</b>	<b>26,570,000,000</b>	<b>25,600,000,000</b>
<p>(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCV/2014 ngày 05 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay 8%/năm. Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải dùng khoản vay này để mua sắm dàn xe Container.</p> <p>(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 05/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà nội dùng khoản vay này để kinh doanh.</p> <p>(3). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay 10%/năm. Công ty con dùng nguồn vay này để sửa chữa, nâng cấp bãi và thanh toán khoản nợ đến hạn ngân hàng</p>			
<b>12 Chi phí trả trước dài hạn</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Chi phí sửa chữa xe nâng số 5		222,667,500	445,335,000
Thiết bị văn phòng, sửa xe con		54,330,164	59,886,050
<b>Cộng</b>		<b>276,997,664</b>	<b>505,221,050</b>
<b>13 Vay và nợ ngắn hạn</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>			
<i>a. Vay Ngân hàng</i>		-	2,051,737,376
Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN Đông Hải Phòng (1*)			2,051,737,376
<i>b. Vay nội bộ</i>		-	13,900,000,000
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải (2*)			13,900,000,000
<i>c. Vay cá nhân(3*)</i>		1,819,000,000	1,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b>1,819,000,000</b>	<b>16,951,737,376</b>
<p>(3*). Khoản vay của cá nhân, lãi suất 11%/năm, vay bằng tín chấp</p>			
<b>14 Phải trả người bán</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>14.1 Phải trả các bên liên quan</b> ( xem phần thuyết minh BCTC mục 29)		1,420,996,532	1,483,953,740
<b>14.2 Phải trả thương mại</b>		53,767,662	70,837,234
<b>Cộng</b>		<b>1,474,764,194</b>	<b>1,554,790,974</b>
<b>15 Người mua trả tiền trước</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
CN Công ty TNHH Shipco và Cty Xúc tiến đầu tư		22,386,720	22,386,353
Công ty TNHH Xúc tiến ĐT và TM Quốc tế ITIP		65,875	
Công ty TNHH TM và Tiếp vận toàn cầu Đông Tài		1,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải			657,000,000
<b>Cộng</b>		<b>23,452,595</b>	<b>679,386,353</b>
<b>16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		186,945,738	260,642,730
Thuế thu nhập cá nhân		7,038,165	3,078,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Thuế GTGT đầu ra	333,046,178	
<b>Cộng</b>	<b>527,030,081</b>	<b>263,720,730</b>
<b>17 Các khoản phải trả phải nộp khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>17.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan</b>	-	<b>84,333,333</b>
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải		84,333,333
<b>17.2 Phải trả phải nộp khác</b>	<b>1,119,369,646</b>	<b>1,318,748,457</b>
Thuế TNCN, BHXH, BHYT	6,037,200	5,477,520
Phải trả khác	493,665,820	533,626,323
Doanh thu chưa thực hiện	295,849,161	295,849,299
Phải trả cổ tức	288,187,850	445,521,350
Các đối tượng khác	35,629,615	38,273,965
<b>Cộng</b>	<b>1,119,369,646</b>	<b>1,403,081,790</b>
<b>19 Phải trả dài hạn khác</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	443,200,000	350,000,000
<b>Cộng</b>	<b>443,200,000</b>	<b>350,000,000</b>
<b>20 Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu &lt;Phụ lục số 02&gt;</b>		
<b>b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	27,890,600,000	78,938,100,000
Vốn góp của cổ đông khác	24,131,560,000	8,206,170,000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	88,277,840,000	41,555,730,000
<b>Cộng</b>	<b>140,300,000,000</b>	<b>128,700,000,000</b>
<b>c. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>14,030,000</b>	<b>12,870,000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13,780,000</b>	<b>12,620,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	13,780,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>250,000</b>	<b>250,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	250,000	250,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>13,780,000</b>	<b>12,620,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	13,780,000	12,620,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

*Đơn vị tính: đồng*

21	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Quý IV năm 2014</u>	<u>Quý IV năm 2013</u>
	<i>- Doanh thu cung cấp dịch vụ:</i>		
	+ Doanh thu Shiptside	451,495,467	558,594,062
	+ Doanh thu khai thác CFS	1,025,630,656	1,527,121,407
	+ Doanh thu bãi	2,043,121,823	640,765,051
	+ Doanh thu vận tải	356,176,436	264,952,947
	+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	1,693,603,190	3,508,736,027
	<b>Cộng</b>	<b><u>5,570,027,572</u></b>	<b><u>6,500,169,494</u></b>
22	Giá vốn dịch vụ:	<u>Quý IV năm 2014</u>	<u>Quý IV năm 2013</u>
	+ Giá vốn Shiptside	428,442,297	556,505,228
	+ Giá vốn khai thác CFS	974,349,129	1,527,121,320
	+ Giá vốn bãi	1,684,176,029	562,572,651
	+ Giá vốn vận tải	280,053,409	203,499,000
	+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	1,473,062,115	2,551,886,694
	<b>Cộng</b>	<b><u>4,840,082,979</u></b>	<b><u>5,401,584,893</u></b>
23	Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý IV năm 2014</u>	<u>Quý IV năm 2013</u>
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	3,357,076	6,093,217
	- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	5,904,510,453	5,181,396,716
	- Chênh lệch tỷ giá	29,955	196,598
	- Lãi cho vay ngoài, cho vay nội bộ	883,311,944	901,511,520
	<b>Cộng</b>	<b><u>6,791,209,428</u></b>	<b><u>6,089,198,051</u></b>
24	Chi phí hoạt động tài chính	<u>Quý IV năm 2014</u>	<u>Quý IV năm 2013</u>
	- Chi phí lãi vay ngân hàng		47,946,729
	- Chi phí lãi vay ngoài, vay nội bộ	27,353,333	258,400,364
	- Chi phí HĐTC khác ( Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con )	1,394,434,696	
	<b>Cộng</b>	<b><u>1,421,788,029</u></b>	<b><u>306,347,093</u></b>
25	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Quý IV năm 2014</u>	<u>Quý IV năm 2013</u>
	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,754,263,806	6,223,967,635
	2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	5,904,510,453	5,181,396,716
	3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	849,753,353	1,042,570,919
5. Thuế suất thuế TNDN (5)	22%	25%
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	186,945,738	260,642,730
7. Thuế TNDN phải nộp quý4/2014(7=6)	186,945,738	260,642,730

<b>27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý IV năm 2014</b>	<b>Quý IV năm 2013</b>
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao TSCĐ	325,543,836	345,722,562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,514,539,143	5,055,862,331
<b>Cộng</b>	<b>4,840,082,979</b>	<b>5,401,584,893</b>

<b>28 Một số chỉ tiêu cơ bản</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
<b>a. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	<b>81%</b>
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	<b>19%</b>
<b>b. Tỷ suất sinh lợi:</b>	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	<b>98%</b>
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	<b>12%</b>
<b>c. Tình hình tài chính:</b>	
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	<b>3%</b>
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	<b>10%</b>
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	<b>2%</b>

**29 Nghiệp vụ với các bên liên quan**  
**Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:**

<b>TT Tên tổ chức/ Cá nhân</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2 Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5 Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6 Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7 Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ ( từ 01-01-2014 đến 31-12-2014) gồm;  
Đơn vị tính: đồng

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</b>
<b>TT Doanh thu</b>		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	3,939,189,832
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	459,705,023
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2,001,384,668

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

4	Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	112,002,902
5	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1,455,406,363
6	Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	7,483,171
<b>Cộng</b>			<b>7,975,171,959</b>

**TT Giá vốn**

1-	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	7,991,360,364
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	4,999,031,312
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	776,977,500
<b>Cộng</b>			<b>13,767,369,176</b>

**TT Doanh thu hoạt động tài chính**

1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	3,523,677,756
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	3,702,061,707
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	2,117,227,928
4	Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	11,264,990,288
5	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	2,301,501,111
<b>Cộng</b>			<b>22,909,458,790</b>

**Số dư giao dịch với các bên liên quan**

<b>-Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	11,000,000,000
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	2,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b>13,000,000,000</b>

<b>-Các khoản phải thu</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	18,259,199
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	54,560,000
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	110,000,000
<b>Cộng</b>		<b>182,819,199</b>

<b>-Các khoản phải thu khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	624,653,216
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	1,456,798,413
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	2,386,550,299
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	268,556,073
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con	18,306,667
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	3,648,858,333
<b>Cộng</b>		<b>8,403,723,001</b>

<b>- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	11,660,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	14,510,000,000
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con	400,000,000
<b>Cộng</b>		<b>26,570,000,000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

### - Phải trả người bán

Công ty TNHH vận tải Duyên Hải
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải
<b>Cộng</b>

Công ty con
Công ty con
Công ty con

<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
737,501,674
543,838,858
139,656,000
<b>1,420,996,532</b>

### 30 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

#### Tiền gửi ngân hàng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).**

### 31 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Tại ngày 31/12/2014</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,108,447,776
Đầu tư ngắn hạn khác	13,000,000,000
Phải thu khách hàng	4,536,688,855
Phải thu khác	9,544,697,026
<b>Cộng</b>	<b>35,189,833,657</b>
	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Tại ngày 31/12/2014</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4,413,133,840</b>
Vay và nợ ngắn hạn	1,819,000,000
Phải trả người bán	1,474,764,194
Các khoản phải trả phải nộp khác	1,119,369,646
<b>Dài hạn</b>	<b>443,200,000</b>
Phải trả dài hạn khác	443,200,000
Vay và nợ dài hạn	-
<b>Cộng</b>	<b>4,856,333,840</b>

## VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)

### 32 Một số chi tiêu cần được cần giải thích trên thuyết minh báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

#### a. **Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được**

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
Vay để trả trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ	141,240,000
Vay để trả cho các Công ty con	7,496,893,683
<b>Cộng</b>	<b>- 7,638,133,683</b>
<b>b. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b><u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u></b>
<b>Trong đó:</b>	
<i>Lợi nhuận được chia từ các công ty con</i>	
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2,117,227,928
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3,702,061,707
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	11,264,990,288
Công ty TNHH Container Minh Thành	2,301,501,111
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3,523,677,756
<b>Cộng</b>	<b>- 22,909,458,790</b>
<b>c. Cổ tức trả cho chủ sở hữu</b>	<b><u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u></b>
Dùng để trả cổ tức cho cổ đông	12,888,762,964

**VIII Thông tin khác**

**33 Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

**34 Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

**35 Thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Kế toán trưởng

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy



Bùi Chí Hùng

**PHỤ LỤC 01:**

**TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>31,348,182</b>	<b>13,847,373,207</b>	<b>84,565,366</b>	<b>13,963,286,755</b>
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			3,885,714,284		3,885,714,284
- Giảm khác	-			-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>31,348,182</b>	<b>9,961,658,923</b>	<b>84,565,366</b>	<b>10,077,572,471</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>14,803,308</b>	<b>5,744,789,394</b>	<b>59,057,789</b>	<b>5,818,650,491</b>
- Khấu hao trong kỳ		10,449,396	1,392,601,313	8,745,455	1,411,796,164
- Tăng khác	-		-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			1,889,287,652		1,889,287,652
- Giảm khác	-		-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>25,252,704</b>	<b>5,248,103,055</b>	<b>67,803,244</b>	<b>5,341,159,003</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	16,544,874	8,102,583,813	25,507,577	8,144,636,264
- Tại ngày cuối kỳ 31/12/2014	-	6,095,478	4,713,555,868	16,762,122	4,736,413,468

**PHU LUC 02:**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>128,700,000,000</b>	<b>9,615,359,500</b>	<b>177,909,956</b>	<b>(982,776,400)</b>	<b>38,901,772,468</b>	<b>176,412,265,524</b>
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước			-		27,270,867,540	27,270,867,540
Tăng khác			47,624,082		-	47,624,082
Giảm vốn trong năm trước	-		-		-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	-
Giảm khác	-	-	-	1,542,013,500	15,938,174,740	17,480,188,240
						-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>128,700,000,000</b>	<b>9,615,359,500</b>	<b>225,534,038</b>	<b>(2,524,789,900)</b>	<b>50,234,465,268</b>	<b>186,250,568,906</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>128,700,000,000</b>	<b>9,615,359,500</b>	<b>225,534,038</b>	<b>(2,524,789,900)</b>	<b>50,234,465,268</b>	<b>186,250,568,906</b>
Tăng vốn trong kỳ này	11,600,000,000	2,320,000,000				13,920,000,000
Lãi trong kỳ					25,716,164,878	25,716,164,878
Tăng khác			111,972,062			111,972,062
Giảm vốn trong kỳ này		60,500,000				60,500,000
Lỗ trong kỳ						-
Giảm khác					16,680,194,906	16,680,194,906
						-
<b>4. Số dư cuối kỳ 31/12/2014</b>	<b>140,300,000,000</b>	<b>11,874,859,500</b>	<b>337,506,100</b>	<b>(2,524,789,900)</b>	<b>59,270,435,240</b>	<b>209,258,010,940</b>

